

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HS-ST

Ngày: 25-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Thu Vân
2. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
3. Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lưu Thị Kim T**, sinh ngày 13 tháng 04 năm 1975 tại Đồng Nai; đăng ký thường trú: Số 75N MLB, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Lưu Văn T và con bà: Nguyễn Thị Đ; chồng: Nguyễn Đắc V (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2005; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Hoàng Thế Trọng** – Văn phòng Luật sư Hoàng Thế Trọng; Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 89/10/3 Đồng Tâm, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa.

Bị hại

Ông **Nguyễn Viết X**, sinh năm 1963 cùng vợ **Trần Thị Y**, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 49 HG, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông **Đặng Ngọc Đ**, sinh năm 1978 và bà **Nguyễn Thị Tuyết T**, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 11.4L11D.D1, KP1 Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1987; địa chỉ: Phòng 2706, Tòa N03T2, khu Đoàn ngoại giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bà **Bùi Xuân A**, sinh năm 1985; địa chỉ: Căn hộ 1505 Chung cư Petecland, đường số 62, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 05/2022, vợ chồng ông Nguyễn Viết X và bà Trần Thị Y (địa chỉ: Số 48 đường HG, phường 01, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng) có trao đổi với người quen là ông Đặng Ngọc Đ, sinh năm: 1978; địa chỉ: KP1, Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh về việc vợ chồng ông X, bà Y có thửa đất nông nghiệp được ghi nhận theo Giấy chứng nhận QSDĐ số hiệu DA 951703 (do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/01/2021) tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng nhưng đang bị vướng vào quy hoạch làm đường giao thông, vợ chồng ông X - bà Y đã liên hệ Cơ quan Nhà nước để hỏi về việc chuyển đổi 300 m² thành đất thổ cư để xây nhà nhưng được trả lời là không đủ điều kiện để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Lúc này, ông Đ có nói với vợ chồng ông X, bà Y về việc người quen của ông Đ là Lưu Thị Kim T hiện là Giám đốc Công ty TNHH Phát triển dự án Việt Nam, T có nhiều mối quan hệ với cán bộ tỉnh Lâm Đồng, có khả năng giúp vợ chồng ông X, bà Y thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ông Đ đề nghị giới thiệu T với vợ chồng ông X, bà Y để các bên tìm hiểu, trao đổi về việc làm giấy tờ đất.

Ngày 28/05/2022, ông Đ cùng vợ là bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm: 1981; địa chỉ: KP1, Tam Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và Lưu Thị Kim T gặp vợ chồng ông X, bà Y tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Tại buổi gặp, sau khi được ông Đ giới thiệu làm quen với vợ chồng ông X, bà Y, T đã được ông X dẫn đi xem thực tế hiện trạng thửa đất và nói rõ cho

biết tình trạng pháp lý của thửa đất thuộc quy hoạch đất nông nghiệp và đường giao thông nên ông X không thực hiện được việc chuyển đổi thành đất thổ cư. Sau khi xem xét hiện trạng đất cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T nói với ông X về việc T có nhiều mối quan hệ với Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong đó có ông Trần Văn Hiệp (nguyên chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại thời điểm này), T cam kết sẽ thực hiện được việc chuyển đổi mục đích sử dụng 300 m² đất nông nghiệp thành đất thổ cư theo yêu cầu của ông X. Để ông X tin tưởng, T lấy điện thoại ra gọi cho một người nào đó để hỏi về việc xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ông X, sau đó T nói với ông X về việc “Xếp” đã đồng ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho ông X và thông báo cho ông X biết chi phí để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất là 800.000.000đ, đồng thời nói sẽ lên thành phố Đà Lạt gặp trực tiếp Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng để giải quyết việc cho ông X.

Ngày 29/05/2022, T gặp lại ông X và nói với ông X về việc Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã đồng ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo yêu cầu của ông X, chi phí dịch vụ và thuế là 800.000.000đ, tiền công trả cho bị cáo T bao nhiêu thì tùy, để ông X tin tưởng, T cho ông X xem tin nhắn qua ứng dụng Zalo thể hiện việc ông Trần Văn Hiệp nhắn tin trao đổi với T. Tin tưởng vào những thông tin gian dối của T, vợ chồng ông X, bà Y đồng ý giao cho T số tiền 800.000.000đ để T giúp thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cho thêm T số tiền 35.000.000đ để làm chi phí đi lại, T cam kết làm xong việc chuyển đổi đất cho vợ chồng ông X, bà Y trong thời hạn 04 tháng. Sau khi thỏa thuận thống nhất, ông X nói với T về việc ông X với T chỉ mới quen biết nên ông X đề nghị được chuyển số tiền 800.000.000đ cho T thông qua trung gian là vợ chồng ông Đặng Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Tuyết T, Lưu Thị Kim T đồng ý.

Ngày 30/5/2022, bà Y chuyển tổng số tiền 800.000.000đ vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Tuyết T, sau đó bà Nguyễn Thị Tuyết T chuyển toàn bộ số tiền này cho Lưu Thị Kim T để T thực hiện việc làm giấy tờ đất cho vợ chồng ông X, bà Y. Đồng thời, theo đề nghị của T, ông X đã lập Hợp đồng ủy quyền và giao bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu DA 951703 cho T để T thay mặt vợ chồng ông X, bà Y liên hệ các cơ quan chức năng thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Sau khi lập xong hợp đồng ủy quyền, theo yêu cầu của bà Y, T và bà Y thống nhất lập “Giấy biên nhận” ghi nhận việc Lưu Thị Kim T đã nhận số tiền 800.000.000đ của bà Y để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho vợ chồng ông X, bà Y, thời hạn là 04 tháng. Lập xong giấy tờ, ông X đưa thêm cho Lưu Thị Kim T số tiền 35.000.000đ để trả công, chi phí đi lại cho Lưu Thị Kim T.

Hết thời hạn theo cam kết, vợ chồng ông X, bà Y không thấy T thực hiện được việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ông X, bà Y có hỏi nhiều lần nhưng T lấy lý do đất đang bị T tra, cắm phân lô, tách thửa để né tránh. Đến tháng 01/2023, T nói với vợ chồng ông X, bà Y về việc các “Xếp” trả lại hồ sơ do đất bị quy hoạch, không thể thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất được, T trả lại vợ chồng ông X, bà Y bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu DA 951703 và cam kết trả lại tiền cho vợ chồng ông X, bà Y nhưng không thực hiện.

Vật chứng thu thập giữ: 01 (một) bản gốc tài liệu đề “GIẤY BIÊN NHẬN” do bà Trần Thị Y giao nộp; 02 (hai) điện thoại di động màn hình cảm ứng của bị cáo Lưu Thị Kim T

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Tại Bản cáo trạng số 51/CT-VKS-P2 ngày 22/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xét xử đối với bị cáo Lưu Thị Kim T về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như bản cáo trạng truy tố; không khiếu nại thắc mắc gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng và yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Thị Kim T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 13 năm đến 15 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 835.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 02 (hai) điện thoại di động màn hình cảm ứng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Về biện pháp tư pháp khác: Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T, bà Bùi Xuân A hoàn trả lại số tiền bị cáo Lưu Thị Kim T đã trả nợ cho ông, bà. Bởi vì số tiền này do bị cáo chiếm đoạt của bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo gửi bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát truy tố; chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và sớm hòa nhập cộng đồng.

Bị cáo thống nhất lời trình bày của Luật sư, không bào chữa bổ sung và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận: Do cần tiền trả nợ nên vào khoảng tháng 5 năm 2022, khi được ông Đặng Ngọc Đ nói cho biết việc ông Nguyễn Viết X, bà Trần Thị Y cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất, T đã nảy sinh ý định lấy tiền của ông X, bà Y bằng cách đưa ra thông tin gian dối về việc quen biết nhiều lãnh đạo các sở, ban ngành của tỉnh Lâm Đồng, đặc biệt là có mối quen biết ông Trần Văn Hiệp (nguyên chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng), có thể nhờ các quan hệ này để giúp vợ chồng ông X, bà Y thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Để cho ông X, bà Y tin tưởng, T đã lập một tài khoản Zalo khác đứng tên ông Trần Văn Hiệp và soạn giả các tin nhắn thể hiện nội dung trao đổi giữa T với ông Trần Văn Hiệp - chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhằm mục đích để ông X, bà Y tin tưởng giao số tiền

835.000.000đ cho T. Sau khi nhận được số tiền trên, T đã sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Hành vi trên của Lưu Thị Kim T đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Kết luận giám định, vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lưu Thị Kim T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015. Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; đã xâm hại đến khách thể quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đánh giá nhân thân, bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nên cũng được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 835.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 (hai) điện thoại di động màn hình cảm ứng thu giữ của bị cáo, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7] Quá trình điều tra xác định ông Đ và bà Tuyết T cũng không biết việc Lưu Thị Kim T đưa thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại. Do vậy hành vi của vợ chồng ông Đ và bà Tuyết T không đồng phạm với bị cáo Lưu Thị Kim T.

Đối với những người mà T trả nợ. Do T trả nợ cho rất nhiều người, nhiều khoản khác nhau, Cơ quan điều tra đã sao kê tài khoản, làm việc được với ông

Nguyễn Xuân T và bà Bùi Xuân A là người đã nhận tiền của bị cáo, qua làm việc những người này xác định toàn bộ số tiền mà T chuyển đều là để trả nợ cho những khoản vay trước đó, họ không biết nguồn tiền do T trả từ đâu mà có, do đó không có căn cứ xử lý về hành vi “*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, theo quy định tại điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đồng thời không chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị thu hồi để trả lại cho bị hại.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Thị Kim T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Thị Kim T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/4/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lưu Thị Kim T bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Viết X, bà Trần Thị Y số tiền 835.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 02 (hai) điện thoại di động màn hình cảm ứng đề nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max và Iphone 11 Pro Max.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/8/2024)

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lưu Thị Kim T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 37.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSNDCC tại Thành phố HCM (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng (02);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (04); Bị hại (02);
- Luật sư (01);
- Người liên quan (04);
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ (08);
- Hồ sơ THAHS (08);
- Lưu Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Mạnh Hùng